NĂM THỨ NĂM SỐ 187 Thứ năm, 17 tháng năm 1945

TRI TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI
1 năm 35$00 — 6 tháng 18$00 — 3 tháng 9$00

MỤC LỤC

* Cảm tưởng chúng tôi... *Nguyễn-tường-Phượng*
* Nghệ thuật phục hưng Họa-sĩ *Nguyễn-văn-Ty*
* Việt nam văn học sử (VIII) *Nguyễn văn Tố*
* Đại nam dật sự (LV) *Ưng-Hòe*
* Những vết tích nô-lệ cần phải tẩy trừ *Nguyễn-Phương*
* Nguyễn-tri-Phương (1800 1873 (hết) *Tiên-Đàm*
* Những công nghệ triều Lê (CIV) *Nguyễn-văn-Tố*
* Dân bách việt *Nguyễn-xuân-Vân*
* Ao-tư (tiểu-thuyết, XXIV) *Nguyễn-huy-Tưởng*

0$70

CẢM TƯỞNG CHÚNG TÔI ĐỐI VỚI NHỜI TUYÊN BỐ CỦA ÔNG TỔNG-TRƯỞNG NỘI-CÁC

Mới đây, trên mặt các báo, thấy đăng nhời tuyên bố của ông Tổng-trưởng Nội-các Trần-Trọng-Kim. Là một nhà mô-phạm đạo đức, lại uyên thâm nho học. Trần tiên-sinh đã tuyên ngôn như sau đây:

1) *Làm cho đạt cái hi-vọng của quốc dân Việt-nam mong cho nước Việt-nam thành một quốc gia độc-lập; khôi phục cái trí-thái sẵn có của dân tộc Việt-nam mưu độ cho mỗi ngày được mạnh mẽ.*

2) *Giải quyết vấn đề lương thực. Có giải quyết xong được vấn đề lương-thực cần yếu này thì mới giải-quyết được vấn đề chính-trị và văn-hóa.*

3) *Kiến-thiết cái tâm lý của dân-tộc Việt-nam, xét ra xưa kia người Việt-nam bị người khác giống ngược đãi, đến nỗi tinh-thần hư-hỏng. Ngày nay phải nỗ lực nâng cao cái tinh-thần không chịu khuất-phục. Việc đó phải do ở sự cải tạo cái phương châm giáo-dục; chấn-hưng công-cuộc vận động của Thanh-niên và đặt cách đàn áp mọi tổ-chức không chính đáng khiến cho cái ý thức về quốc-gia của nhân dân được kiên cố.*

— (Theo *Kiều-quang báo* — Bản dịch của *Tin-mới*)

Thật là những nhời vàng đá, một chương-trình hành-động rất thích hợp trong lúc này là lúc kiến-thiết một quốc gia sau cuộc giải phóng.

Sau ngót mấy thế-kỷ đô hộ, người Việt ta bị ngoại quốc dùng chính sách hà-khắc đàn áp lại đem chủ nghĩa cá-nhân quyền lũ nên người nước, một số đông, thanh vong bản, đời sống chẳng như không lý-tưởng; hơn nữa, những điều cốt yếu của đạo làm người như: Trung, hiếu, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, đều đã xao-nhãng cả; một khi có ai nhắc đến đều bị gọi là cổ-hủ, là không hợp thời.

Ở chốn tỉnh thành, dân nhau xa-hoa, lãng-phí, còn nơi thôn-dã, bóc lột đồng-bào tha hồ lãng bức dân em. Tuy người Pháp đã nêu lên vấn đề cải lương, nhưng sự thực chỉ là chính sách giả dối, ở bề ngoài, rồi dựa vào đấy, người có trách-nhiệm địa phương đã lợi dụng mà bóc lột cho thỏa tâm lòng tham nhũng.

Cai-trị dân mà dân cho là bắt nạt, ép gì quái ác bằng chính-sách « kinh-tế » áp dụng mấy năm gần đây: đồng bào thực đã khốn khổ về nạn thu thuế, nộp thuế; biết bao kẻ lợi dụng nguyên, hãn đồng chủng ở nên giàu có; đến nay dân tôi, dân chết một phần là tội ác của họ.

Thanh ôi! một nước tàm ruộng như xứ ta, ruộng đất ngang dọc như bàn cờ, thiếu gì hoa lợi mà dân bị đói kém, thật là sự đau thương cho nòi giống!

Nội các đã nhìn rõ tình cảnh ấy, nên trong bản tuyên ngôn có nói về « giải-quyết vấn đề lương-thực ».

Để đi đến sự giải-quyết, chúng tôi mong Nội-các thẳng tay bài-trừ những tệ tục, những sự hà lạm, đồng thời lại phải tìm hết phương pháp tiếp tế về việc lợi sinh, thì mới cứu vãn tình-thế nguy được.

Về việc giáo dục, chúng tôi rất đồng ý là phải nâng cao tinh-thần của quốc-dân, cái tinh-thần ấy đến nay quả đã bạc-nhược lắm, ngã nào sắc không hồn, cây không nhựa, mất hết cả tính cách của giống nòi.

Chúng tôi thành thực hoan nghênh bản tuyên-ngôn và mong mỏi được thấy thi hành triệt để.

Chúng tôi lại còn mong quốc dân cố bỏ mất cơ hội mà cải-tạo chính thân mình, chính gia đình hiện giờ như Trần tiên sinh đã kể nhờ cơ hội đồng đã gặp ở Thái Bình: « *Nay nhờ cơ-hội rất tốt, chúng ta được hành động tự do, dịp tốt ấy chúng ta không nên bỏ, bỏ mất tức là chúng ta có tội với Tổ quốc trước lịch sử* » — (*Việt-nam tân báo ngày 18-4-45*)

Trước lịch sử, đối với nền sống, Tổ-quốc chúng ta nghĩ sao?

NGUYỄN TƯỜNG PHƯỢNG

Phải cách mệnh nền Văn-hóa Việt-nam

Nghệ-thuật phục-hưng

Cái sức mạnh vô bình đặng trấn đè lên tâm-hồn khắc khoải bọn nghệ sĩ đồng bao lâu đã bị lặt đổ theo cuộc đảo chính vừa qua. Chúng ta đã bắt đầu sống lại. Một nền tảng chính trị mới đang gắng công xây dựng lại xã-hội. Đồng-thời các ngành văn-hóa cũng sửa soạn để tiến theo nhịp đều của thời đại.

Từ trước ta đã sống ra ngoài guồng máy xã-hội nô lệ để tự lập trong lòng tin chân thành những ý-nguyện thiết tha mà ta tưởng không bao giờ được bày ra ánh sáng. Thờ ơ với thời thế, ta đã bỏ lạ cả để lăng hang nơi đồng nội hay rừng tiẩm vui vẻ và đầy đủ với cả *Đạo sống* của mình. Giòng máu ta vốn ưa cuộc đời độc lập giữa thiên nhiên để ẩn nấp với tinh-thần tự do và hoạt động. Ta không chịu nổi nghệ thuật bị gò ép, ta chán ghét tất cả cái gì bó thân ta vào một thể độ lạc hậu, ta đã ứng phản đối những tư tưởng câu thúc, để nó với công trình sáng tác trong khuôn khổ khô khan. Ta nhớ rằng đến ở những nước độc-lập được tự do tư tưởng người ta vẫn giữ sự cái nghệ-thuật là *di truyền nhà nước*, không chỉ dưới chế-độ một bọn bầy tôi nhấp lên về quan niệm đó thì ta vẫn mong nẩy nở và phát triển sao được!

Và giờ đây, ta không còn ngơ ngác trước con đường sắp đi tới. Đã chỉ biết những sự nghệ thuật, ta cũng không thể để một bọn người khéo lợi dụng kia đưa ta vào cọn đường phản-bội. Cứu cánh sẽ phải dẫn ta đến mục đích *giải thoát hoàn toàn* cái áp chế lên mọn đó.

Từ lâu ta đã gắn-liếp gây được mầm sống trong chặng đường tìm kiếm khó khăn, nhờ gửi vị may mắn ta được sức mạnh của cảm hứng dẫn lối. Trí tò đoán không ngừng đã làm ta giác ngộ với cái trí giác bản nhiên của ta.

Vẫn biết chúng ta bao giờ cũng sống lòng tin tưởng rằng *Nghệ-thuật là ĐẠO SỐNG* những cái *NGUỒN SỐNG* vẫn tất cần để dạy cho đạo đó. Nguồn sống ta làm sao bỏ lại được những mối tương quan của con người với xã hội với giống gống một dân tộc đã khai thác ta biết bao công-nghiệp trong lịch sử.

Luồng ác khí đã tan. Phương trời nghệ-thuật bắt đầu sáng rõ. Ta hãy trở lại làm việc với một lòng hăng hái mới đi, ta hãy thành tâm gây dựng một thế giới tinh thần sáng tỏ mong góp chút gì tươi đẹp với những ngày vui sắp tới.

Muốn được thỏa-mãn với nguyện-vọng ta cần phải lập một chương-trình phục-hưng nghệ-thuật để bồi đắp nền văn hóa đang đứng ngang hàng với tư-tưởng loài người. Ta hãy trực tiếp ủng hộ những hành-vi chính đại kiến-thiết ngay một cơ quan vững chãi cho nghệ-thuật ngõ hầu mới thực hiện được cái tinh hoa của một dân tộc đầy tương lai và lửa lọc.

Ta đã có một căn bản chắc chắn trải bao nhiêu thế kỷ. Hãy thấm nhuần lại cốt rễ đó để đi tới một công trình sáng tác đầy đủ hơn. Mạch máu của ta hãy còn lưu thông trong những công cuộc cải tạo hay sáng tác vĩ đại của ông cha thuở trước linh-ích các bậc tiền bối hãy còn ẩn náu trong một nền kiến trúc cũ, trên một dẫy trường thành, một mái chùa hay một pho tượng cổ. Ngày nay qua những nguồn cảm hứng đó, ta sẽ tạo nên những tế và chất mạnh mẽ vững bền hơn, sẽ cố gắng bù đắp lại cái tinh thần sa-sút của thế hệ vừa qua. Dù chiến tranh cản trở sức mạnh thực-hành, chúng ta cũng được tài lòng về sức mạnh tư-tưởng đang đường hoàng phát triển. Luật đào thải, trình suy-tuổi luôn giữ chọn ta nên chí và vững lòng nhớ thương lại, từ lúc cái tầm cái đến những ngày tươi đẹp của thành công cũng không xa lắm.

Nhiều cuộc hội họp nghệ sĩ vừa qua đã chứng tỏ hy-vọng đó. Chương trình hành động đã được cem ra thảo luận giữa những quan niệm khác nhau — quan niệm tuy khác nhưng vẫn đều cùng vẫn là phụng sự và kiến thiết quốc-gia bằng sự đoàn kết và tận tâm. Nhà-sĩ đã thiết tha muốn tới một trình độ văn hóa trong đó các ngành văn-chương, mỹ thuật được tự do hướng dẫn tư-tưởng theo những chỉ hướng riêng biệt và khoáng đạt.

Với tình trạng đó, vấn đề kiến thiết quốc-học và giáo dục sẽ được bàn tới và tự giải quyết được cần dần. Lâu đài Văn Hóa được phục-hưng và sẽ diễn lệ vô cùng.

Hoạ-sĩ NGUYỄN VĂN IV.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 8

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Trang 70 trong quyển *Việt nam văn học sử yếu*, ông Dương Quảng Hàm nói về việc học chữ nho trong cả đời Ngô Đinh, Lê, Lý, ông cho là vua các đời ấy « chưa có thì giờ tổ chức việc học chữ nho » : có lẽ không đúng, vì đời Đinh (971) sùng thượng Thích-giáo cho tăng đạo dự vào ngai phẩm triều-đình. (*Khâm định Việt sử*, q. 1, tờ 4 b) đến Lê (987) sai pháp-sư Đỗ Thuận đón sứ nhà Tống và sai Khuông-việt đại sư Ngô chân-Lưu làm ấn thủ để tiễn sứ Tàu (*Đại Việt sử ký toàn thư*, q. 1 tờ 18 a b); đời Lý thì Thái tổ (1010-1028) là con nuôi Lý Khánh Văn sư chùa Cổ-pháp, đến học Vạn Hạnh là sư chùa Lục-tổ, cho nên việc học phần nhiều ở trong Thích-đạo mà ra. *Danh liệt lục* của Trần Kỷ - Đằng chép rằng : « Lúc bấy giờ chưa có khoa cử, tuy người học trò thông mẫn, cũng phải do Thích đạo tiến chọn cử-trị » (dẫn ở *Khâm định Việt sử* q 3. tờ 34 a). Xem như thế, thì việc học về thời bấy giờ ở trong tay Thích - giáo, chứ không phải chưa có thì giờ tổ chức. Cũng ông Hàm cũng nói thế. Vả lại từ đời Ngô Quyền (939) trở về trước, dân ta cũng đã được học. Như trong đời Sĩ-Nhiếp (207-226) nước ta đã bắt đầu thông *Thi Thư*, tập lễ chế (*Đại Việt Sử ký, ngoại kỷ toàn thư*, q 3, tờ 12 a), đến đời Đỗ tuệ-Độ làm thứ - sử châu Giao (411-427) có sửa lại nhà học Liêu (*Khâm định Việt sử, tiền biên*, q. 3, tờ 24 b *Đại Việt sử ký tiền biên, ngoại kỷ*, q. 4, tờ 16b); thế thì không phải là chưa tổ-chức. Nếu chưa tổ chức, thì sao năm 187 vua Hán nghe lời xin của Lý Tiến Lý - Cầm, cho một người đỗ mậu - tài (tú - tài) của ta làm chức lệnh Hạ - dương, một người đỗ hiếu-liêm (cử-nhân) của ta làm chức lệnh huyện Lục-hợp (*Khâm định Việt sử, tiền biên*, q. 2, tờ 26 b 27 a) ?

Lại như trong đời Đường Đức-tông (780 804), Khương công-Phụ người nước ta, cha là Công-Đĩnh, em là công-Phục đều đỗ tiến-sĩ những nhân tài ấy học ở đâu mà đỗ?

Đấy là nói từ đời Ngô trở về trước, còn như chính trong các triều Ngô, Đinh, Lê Lý, thì sử có chép rằng : « Năm đinh-vị (1007) Lê Long - Đĩnh sai em là Minh-Sưởng sang nhà Tống xin cửu kinh và kinh *Đại tạng*, vua Tống bằng lòng cho » (*Khâm định Việt sử* q. 1, tờ 43 a). kinh *Đại tạng* (Tripitaka) là kinh Phật. Còn chín kinh là *Chu lễ, Nghi lễ, Lễ - ký, Tả-truyện, Công - dương, Cốc-lương, Dịch, Thi, Thư*; có người lại xếp *Dịch, Thi, Thư, Lễ Xuân thu, thiên kinh, Luận ngữ Mạnh tử Chu lễ* tuy hai thuyết khác nhau, nhưng cùng là sách của đạo Khổng. *Đại Việt sử ký cải lương* (bản sao của trường Bác-cổ, số A 1146, q. 1, tờ 83 b) có bài khen về việc đem chín kinh ở Tàu về như sau này ; Đây là lần đầu tiên kinh lịch của Tàu vào đất nước Nam ta, trước kia Tích Quang làm thái thú Giao-chỉ, bắt đầu dựng nhà học hiệu dạy dân *Thi Thư*, như thế là người nước ta biết học đã lâu ; nhưng mà toàn bích của Khổng Mạnh, thì người nước ta chưa được thấy. Từ khi Minh-Sưởng đem về, thì loại sách chín kinh ấy, nhà này truyền cho nhà khác, người nọ đọc cho người kia, bây giờ Khổng-giáo mới phổ cập ở nước Nam ta. Đối với việc ấy Lê Long-Đĩnh thật có công to... »

Cứ xem như thế, thì không phải là « chưa có thì giờ tổ chức việc học chữ nho ». Vậy đến kỳ tái bản, ông Hàm nên bỏ câu ấy đi.

Ở đoạn nói về việc học chữ nho trong triều Lý. Ông Hàm chép rằng : « Năm 1070, vua Lý Thánh-tôn dựng văn-miếu ở Thăng-long (nay là văn-miếu Hà-nội) để thờ đức Khổng-tử và các vị tiên-hiền, tỏ ra rằng nhà vua tôn-sùng Nho-giáo. Ngài lại sai Hoàng-tử đến học ở đấy » (trang 70) Chép thế còn thiếu. Sử *Khâm - định* (q. 3, tờ 30a) nói rằng : « Mùa thu tháng tám tám năm canh - tuất (1070) Lý Thánh-tông bắt đầu lập ra văn-miếu, đắp tượng Chu-công, Khổng, tử và tượng tứ phối (bốn vị phối hưởng là Nhân-tử, Tăng-tử, Tử-Tư-Mạnh-tử), vẽ tượng thất-thập-nhị hiền (bảy mươi hai người học trò giỏi của đức Khổng) để bốn mùa

thờ cũng. Sai hoàng-thái-tử tới học ». Thế là có thờ cả Chu-công là một bậc tiên-thánh sinh ra trước đức Khổng đến gần sáu trăm năm. Lại có đắp tượng và vẽ tượng: Ông Hàm không nói rõ, khiến cho ai xem đến, cũng tưởng rằng thờ bằng bài-vị và chỉ thờ từ đức Khổng trở xuống như bây giờ. Vậy thì đoạn ấy nên chữa lại cho đúng.

Cũng trang ấy (70) ông Hàm nói về đời Trần, có chép: « Năm 1252, Ngài (Trần Thái-tông) cho con thường dân người nào tuấn-tú được theo học với con các quan ở Quốc-tử giám ». Câu ấy thừa, các sử chữ nho không thấy chép việc ấy vào năm 1252 và cũng không thấy chép vào đời Trần Thái-tông.

Về việc lập Quốc-học viện, ông Hàm chép « Năm 1253 ngài (Trần Thái-tông) lập Quốc-học viện để giảng tứ thư ngũ kinh » (trang 70): chép như thế thì thiếu và nhầm nữa. Các sử chữ nho (*Khâm-định Việt sử*, q. 6, tờ 36 a. *Đại-Việt sử ký, toàn thư*, q 5, tờ 79 a) đều chép « Tháng sáu năm quí-sửu (1253) lập quốc-học-viện khi viện làm xong, vua sai tạc tượng Chu-công, Khổng-tử và Mạnh-tử (*Toàn-thư* chép chữ Khổng-tử ở trên chữ Chu-công và chép chữ Mạnh-tử làm chữ Á-thánh), vẽ tượng thất-thập nhị hiền để thờ. Tháng chín năm ấy (1253) vua ban chiếu cho những học-giả (*Toàn-thư* chép là nho-sĩ) trong thiên-hạ đến Quốc-tử viện để giảng *Ngũ-kinh Tứ-thư* » (*Toàn-thư* chép là *Tứ-thư Lục-kinh*). Xem như thế, thì có lẽ Quốc-học-viện với quốc-tử-viện là hai viện khác nhau, không phải là một. Quốc-học viện làm xong, có tạc tượng, vẽ tượng để thờ, thì cũng như văn miếu đời Lý. Xuống chiếu cho học-giả đến Quốc-tử viện giảng sách, cũng như đời Lý kén vào thần cơ văn-học bổ vào Quốc-tử-giám. Vậy thì Quốc-học viện đời Trần là văn-miếu đời Lý, Quốc-tử-viện đời Trần là Quốc-tử giám đời Lý. Lại còn một cớ nữa, là « năm 1243, Trần Thái-tông trùng tu Quốc-tử giám ». *Khâm-định Việt sử* (q. 6 tờ 25 a), chú thích rằng: « Quốc-tử giám nầy dựng từ đời Lý nhân-tông »: đến năm 1253 lại chép: « Lập Quốc-học viện ». Xem thế đủ biết Quốc tử giám với Quốc-học-viện không phải là một. Vậy thì đoạn ấy cũng nên chữa lại cho đúng.

Đến trang 71, ông Hàm chép: « Năm 1397, về đời vua Trần Thuận-tông, Hồ Quý-ly thấy việc học trong nước, trừ kinh-đô ra, còn ngoài chưa hề tổ-chức, bèn hạ lệnh đặt ở các *lộ, phủ châu cả học quan* coi việc dạy-dỗ và cấp ruộng cho các viện ấy ». Đoạn ấy không rõ, nên lược theo bài chế của Trần Thuận-tông như sau này: « Đời xưa ở quốc-đô thì có nhà học ở chốn hương-toại thì có nhà tự nhà trường, cốt để tỏ giáo-hóa, đổi phong-tục, trẫm rất hâm mộ. Nay cách-thức quốc-học đã đủ, duy các châu, huyện hãy còn thiếu; thì làm thế nào cho rộng cái đạo dạy dân. Vậy truyền cho các lộ phủ, châu ở Sơn-nam, Kinh-bắc, Hải-đông đều đặt một viên học quan để dạy, cấp cho ruộng có thứ tự hơn kém như phủ, châu lớn 90 mươi lăm mẫu, hạng trung mười hai mẫu, hạng nhỏ mười mẫu, để cung học-phí. Quan đốc-học ở các lộ, dạy học trò chọn thành tài, cuối năm thì tuyển người nào giỏi, tiến cống vào triều-đình, trẫm sẽ thân thí mà bổ dụng » (*Khâm định Việt-sử*, q 11 tờ 30 a).

Cứ như thế, thì việc đặt học quan là do tờ chiếu của vua Trần Thuận-tông, chứ không phải của Hồ Quý-Ly. Vẫn hay rằng lúc ấy (1397) quyền hành trong nước về tay Hồ Quý-Ly, nhưng cũng nên chưa rõ kẻo trái với lời chép trong sử chữ nho.

Đến đoạn nói về nhà Lê, ông Hàm chép: « Năm 1483, Vua Lê Thánh-tông *mở rộng thêm nhà Thái-học* (tức là quốc-tử-giám), làm các phòng cho các sinh-đồ ở và khác *Bí thư* để chứa sách » (trang 71). Sơ-lược quá, nên theo sử chữ nho mà chép như thế này:

« Từ khi nhà Lê lấy lại nước của người Minh (1428) thì quy-mô nhà Thái-học vẫn noi theo của Trần, nên còn nhiều chỗ khuyết. Đến đây (1483) vua (Lê Thánh-tông) sai sửa chữa lại và làm rộng thêm: phía trước dựng văn miếu, có điện Đại-thành để thờ tiên thánh, hai bên đông, tây vu để thờ tiên-hiền tiên-nho, có điện canh-phục (thay áo) để làm nơi tục gặt, một kho tế-khí và một chỗ phòng. Phía sau thì làm nhà Minh-luân ở cửa nhà Thái-học và đông, tây giảng-đường để dạy học trò. Lại đặt thêm kho bí-thư để chứa văn sách, hai bên đông, tây có ba dãy nhà để cho xá-sinh ở, mỗi dãy hai mươi nhăm gian, hai bên đều có nhà bếp, quy-mô thật là rộng rãi » (*Khâm-định Việt-sử*, q 23 tờ 28 b).

(Xem tiếp trang 20)

ĐẠI NAM DẬT SỬ

số 59

Ưng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XXXIV — Lý Thái-tông

(*bài nối*)

Võ-công trong đời Lý Thái-tông có việc đánh Chiêm-thành và dẹp rợ Nùng là việc to, mấy kỳ báo trước đã chép đủ. Nay, chép đến những việc ở trong nước, là việc đi đánh Khai-quốc-vương tên Bồ.

Bồ là con Lý Công-Uẩn, em Lý Thái-tông. Năm thứ tư hiệu Thuận-thiên (1013), Lý Thái-tổ phong làm Khai-quốc-vương, cho ở phủ Trường-yên (*Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, q. 2, tờ 6 a). Bồ ở đấy cậy có núi sông hiểm trở, tụ họp những bọn vong-mệnh (dân trốn tránh); tiếng tục của ta có tiếng vãng mạng, chính là hai chữ ấy, cướp bóc tiểu-dân. Lý Thái-tổ không bắt tội đến nên cái ác càng ngày càng lớn. Đến năm mậu-thìn (1028) Bồ nghe Lý Thái-tổ mất, Vũ đức-vương bị giết, Bồ càng hãi binh, đem quân ở phủ Trường-yên làm phản. Tháng tư năm ấy (1028) Lý Thái-tông cho Lý Nhân-Nghĩa tiu-thủ (ở lại giữ) kinh-sư (Thăng-long), rồi thân làm tướng đem quân đi đánh. Ngày Nhâm-thân, quân nhà vua đi đến Trường-yên, Khai-quốc-vương xin hàng. Vua hạ lệnh rằng: Kẻ nào cướp bóc của cải tuỳ-dân thì chém». Quân-sĩ nghiêm lặng, một mảy không dám phạm. Quân nhà vua vào trong thành Trường-yên, Nhân dân trong nhà tranh nhau đem cho trâu rượu và đồ ăn đầy đường. Vua sai sứ đi uỷ-dụ, cả thành đều vui lòng. Vua bèn thu quân về, và bắt Khai-quốc-vương cùng liên thuộc đem về Thăng-long. Khi về đến kinh-sư, vua tha tội cho Bồ và khai phục cho làm Khai-quốc-vương (*Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, q. 2, tờ 14 b và 15 a-b).

Đến việc châu Ái, châu Hoan châu Định-nguyên, châu Chệ nguyên, tiếp-tục nhau khởi loạn, sử chữ nho chép như sau này:

« Vào khoảng tháng ba năm kỷ-tỵ (1029) người giáp Đán-nãi châu Ái (nay Thanh-hóa) làm loạn, mồng một tháng tư, vua Lý Thái-tông tự làm tướng đi đánh, cho Đông-cung Thái-tử coi việc nước; khi đã dẹp yên được loạn, vua sai trung-sứ đốc thúc dân ấy khai một cái cảng, đặt tên là cảng Đán-nãi, rồi thu quân về » (*Khâm-định Việt-sử*, q 2, tờ 33 a-b).

Cách 13 năm, tức tháng giêng năm quý-vị (1043) châu Ái lại làm phản.

« Tháng hai châu Văn (châu Văn-Uyên, thuộc Lạng sơn) làm phản, đến mồng một tháng ba vua Lý Thái-tông cho Khai-hoàng-vương làm đô-thống đại-nguyên-soái đi đánh Châu Ái, Phụng-cán vương làm đô-thống nguyên-soái đi đánh châu Văn. Khi dẹp yên châu Văn Phụng-cán-vương dâng bốn con ngựa tốt bắt được ở châu Văn. Vua đặt tên là Tải-thiên, Quảng-thắng, Truy-phong và Nhật-ngôn (*Đại-Việt sử-ký, toàn thư*, q. 2, tờ 21

« Tháng giêng năm tân-mùi (1031) người châu Hoan (nay Nghệ-an) làm phản, Mồng một tháng hai, vua Lý Thái-tông thân làm tướng đi đánh, cho thái tử coi việc nước, quân đi tự kinh-sư đến châu Hoan người châu ấy xin hàng. Vua ban chiếu tha tội cho mọi thứ, sai trung sứ phủ-dụ nhân dân rồi về (*Khâm-định biệt-sử* q. 2, tờ 35 b)

« Năm quý-dậu (1033) châu Định-nguyên (không rõ nay ở đâu) làm phản. Tháng hai vua Lý Thái-tông thân trinh, cho Đông cung thái-tử coi việc nước. Quân đi từ kinh sư đến châu. Châu đóng (nay phủ Lâm-thao thuộc Sơn-tây), cả Đào đại-đi (đầy lớn) đều cởi giáp vua nhận, tròn phong làm phi. Ngày 17 tha được chiếu Định-nguyên rồi thu quân về » (*Đại Việt sử-ký toàn-thư*, q 2, tờ 21 a)

Tháng chín năm ấy (1033) châu Chệ-nguyên (không rõ ở đâu) làm phản. Đến tháng mười vua Lý Thái-tông thân trinh, cho Khai hoàng-vương (tức Đông-cung thái-tử tên là Nhật-Tôn, sau là Lý Thánh tông) coi nước dẹp yên được châu Chệ-nguyên; đến mồng một tháng mười hai thu quân về » (*Đại Việt-sử-ký toàn-thư*, q. 2, tờ 21 b).

« Tháng chín năm ất-hợi (1035) châu Ái lại làm phản. Đến tháng mười vua Lý Thái tông thân làm tướng đi đánh, cho Phụng-cán-vương là Nhật

Trung làm kinh-sư lưu-thủ. Quân nhà vua đi từ kinh-sư đến đóng ở châu Ái. Vua đến hành-doanh yến hưởng thị thần và tướng-súy, vua trỏ ngầm vào chức định-thắng đại tướng là Nguyễn-Khánh mà bảo các phi tần rằng « Nguyễn-Khánh đắt làm phản ». Phi tần đều giật mình tâu rằng : « Sao bệ hạ lại biết ?» Vua nói : « Nguyễn Khánh lòng không ngay thẳng nên thấy trắm thì cử chỉ lầm lỗi, nói năng khác thường; xem thế thì biết hắn có chí khác, tình trạng làm phản đã rõ ràng lắm ». Đến khi đánh được Ái châu, định tội mục trưởng châu Ái, sai sứ phủ dụ nhân dân, rồi về Phụng cần vương là Nhật Trung làm chức lưu thủ kinh sư nghe được việc Nguyễn Khánh và Nghĩa đệ là Đô thống Đàm toái trang, cùng với người sư họ Hồ, và hoàng đệ là Thắng-cần Thái-phúc cùng mưu làm phản, đem tình trạng tâu vua các phi tần đều hai lạy tâu rằng : « Chúng tôi nghe đứng Thánh-nhân ngầm xét khi chưa có hình, đón trước khi chưa mầm mống, nay được trông thấy ». Vua ban chiếu bắt bọn Nguyễn Khánh đóng cũi đưa về kinh-sư. Mồng một tháng mười mộ, vua đến Châu Ái, đặt lễ ẩm-chí (đánh được trận về uống rượu ở nhà tông-miếu) khao thưởng những tướng sĩ có công danh châu Ái. Cùng tháng ấy vua ngự đến Thiên-khánh, tra tấn bọn sư họ Hồ và Nguyễn Khánh, đều bị tội cắt tay đẽo xương ở Tây thị (chợ Tây); còn ngoài ra đều chiếu tình-trạng nặng nhẹ mà định tội ». *Đ.V. sử ký, toàn-thư*, q. 2, tờ 23 a đến 24 a; *K.Đ.V.S.*, q. 2, tờ 40 a-b).

Đấy là những việc phía Nam và trung-ương, còn phía Bắc thì có việc Lâm-tây như thế này :

« Tháng mười năm bính-tý (1036) đạo Lâm-tây (nay phủ Gia-hưng thuộc Hưng-hóa) và các châu Độ-kim (nay tổng Độ-kim, huyện Hàm-an, tỉnh Tuyên-quang), Thường-tân (không rõ) Bình-nguyên (nay châu Vị-xuyên, Tuyên-quang) đều làm phản, cướp bóc những trâu ngựa của nhân dân châu Tư-lăng (thuộc phủ Thái bình tỉnh Quảng-tây) của nhà Tống, đốt cả nhà ở rồi về ».

« Mồng một tháng hai năm sau (1037) vua Lý Thái-tông thân-trinh đạo Lâm tây cho Khai-hoàng-vương là Nhật tôn làm đại nguyên soái đi đánh các châu Độ-kim, Thường-tân và Bình-nguyên, cho Phụng-cần-vương là Nhật-Trung giữ kinh-sư, Vua tự làm tướng đem quân đi đánh đạo Lâm-tây, đến tháng ba quân khải vua đi đến Lâm-tây, phá đi rồi về ». *Đại Việt sử ký toàn thư*, q. 2 tờ 24 b và *K.Đ.V.S.*, q 2, tờ 41 a b).

Hết việc trị an, đến việc giao-thiệp, theo sử chữ nho chép như sau này :

Vào khoảng tháng 11, 12 năm Kỷ-tỵ (1029) « nhà Tống sai Chương-Đĩnh sang tế-điếu vua Lý Thái-tổ và sai sứ phong vua Lý Thái-tông làm Giao-chỉ quận-vương » (*Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, q 2, tờ 20a).

« Tháng tư năm Canh-ngọ (1030) vua Lý sai đại-hiệu-ban là Lê-Đức-Thuyên và viên-ngoại-lang là Nguyễn-văn-Thân đem phương vật sang Tống báo sinh » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 2, tờ 35a).

« Tháng tám năm Giáp-tuất (1034) vua Lý sai viên ngoại-lang là Đã-Tụ và Đỗ-Khoan đem hai con Thần-tượng (voi quý được) dưa cho nhà Tống, nhà Tống lấy Kinh *Đại tạng* (chữ phạm là *Tri-pitaka*) để đáp lại » (*Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, q. 2, tờ 22b).

Tháng tám năm Kỷ mão (1039) vua Lý lại sai đại-hiệu ban là Sư-đồng Hòa thảo-vương-ban là Đỗ-Hưng đem phương vật sang Tống để tỏ tình giao hiếu » *Đại Việt sử-ký toàn thư*, q 2 tờ 28a *Khâm-định Việt-sử*, q 2, tờ 45b).

Đấy là những việc ta giao thiệp với Tàu, còn những việc ta giao-thiệp với các nước nhỏ và các châu-mục hoặc tù-trưởng các xứ thượng-du, sử ta chép như sau này :

« Tháng giêng năm Qui-dậu (1033) nước Chân-lạp (tức Cao-mên) sang cống vua ta » (*Khâm định Việt-sử*, q. 2, tờ 35 a). « Đến tháng mười hai năm Kỷ mão (1039) nước Chân-lạp lại sang cống » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 2, tờ 28a-b).

« Tháng tám năm Canh-thìn (1040) người giữ trại Bố-chính (nay là 3 huyện Bình chính, Minh

(Xem tiếp trang 15)

NHỮNG VẾT-TÍCH NÔ-LỆ CẦN PHẢI TẨY TRỪ

Muốn giải phóng cho dân tộc Việt nam đã bị giằng buộc trên sáu mươi năm giời trong vòng xiềng xích của người Pháp ta cần phải ấy trừ hết cả những vết tích nô lệ hiện giờ còn hoen ố ở trung quanh ta, từ trong tinh thần đến ngoài hình thức.

Nói chuyện — Có nhiều bạn tây học, vì tiếng quen, trong khi nói chuyện thường hay nghĩ bằng tiếng tây cho nên lúc phát ra thời nói phải mất công dịch sang tiếng ta, rồi vì chưa tìm được những lời bằng tiếng ta cho thích hợp với ý, liền vội cho là tiếng ta không đủ. Thành ra câu chuyện nói một cách «lai» rất khó nghe. Nếu ta từ nay chịu khó một tý, cố nghĩ bằng tiếng ta, thì ta tự khắc thấy tiếng ta cũng đủ dùng.

Xã giao — Những lời chào hỏi, xưng hô, những lối viết thư viết thiệp của ta sẵn có từ xưa, tưởng cũng đã đầy đủ. Giờ ta nên bỏ các lối nô lệ ngoại lai đi.

Vả lại, các lối mới này ta tuy quen dùng ở các nơi đô-thị, song ở chốn thôn quê dân ta chưa quen dùng. Nghĩa là quốc dân ta nhiều lắm mới được độ một phần tram biết theo lối xã giao của Pháp, như lối bắt tay, chào nhau bằng câu «Comment allez-vous», bắt chiếc những cử chỉ của người Pháp mà ta cho là văn minh, như cắt bánh tây ngược, vót bút chì ngược. Vì thế, muốn cho nhất trí trong việc xã giao, ta cần phải bỏ những lối đó đi.

Hãy nói riêng lối bắt tay. Trong một cuộc hội họp, ta có thể có một số người thành thị đã quen bắt tay, cùng ngồi với một số người thôn quê không quen bắt tay. Nếu ta phải đang đến hai lối chào để đối đãi, có phải là ta đã chia rẽ cử tọa ra hai phái kẻ khinh người trọng không? Thực là một cử chỉ vô ý thức. Vả lại lối bắt tay còn dễ cho ta lây bệnh truyền nhiễm nữa.

Các trò chơi, các đồ chơi — Những người có nhiệm vụ trông nom trẻ em, nên cho chúng chơi các trò chơi có tính cách khêu gợi lòng ái quốc, tăng tiến trí, đức dục, nhưng không nên quá nô lệ về phần hình thức của Âu tây. Các nhà làm đồ chơi cho trẻ em, nên sản xuất những thứ có tính cách xứ sở hơn là những thứ vô ý thức như là những chiếc xe nhà với một anh cu li ta cõng lưng kéo một «bà dầm» béo ngồi, cùng là những con bù nhìn mũ lễ tó quân.

Lịch xem ngày — Ta nên có thứ lịch Việt nam để mà dùng, nghĩa là một thứ lịch lấy ngày tháng ta làm chủ, còn ngày tháng dương lịch chỉ đứng vào địa vị khách thôi, nếu nó cần cho ta trong việc giao dịch quốc tế. Còn năm thì ta có thể lấy năm đầu đời Hồng Bàng làm kỷ nguyên, nghĩa là năm tân tỵ Ất dậu (1945) là năm 4824 của ta, vì Hồng bàng lập quốc từ năm 2879 trước Gia-tô.

Bia, tượng, tên phố, v v.. Những tượng đồng, bia đá, tên phố, tên nhà của người Pháp lập lên, đặt ra từ trước đến giờ, ta nên dần dần hủy bỏ, thay đổi, cho hết cái vết tích của cuộc Pháp thuộc.

Về vấn đề này chúng tôi sẽ bàn kỹ đến trong một bài báo sau.

Biển hàng. — Ta nên dần dần thay hết các biển hàng dùng chữ Pháp đi. Những biển hàng đó để cho ta đọc chứ có phải để cho người Pháp đọc đâu!

Vấn đề này đã nhiều người nói đến rồi, chỉ xin nhắc qua ở đây.

Giấy má sổ sách — Các giấy má công và tư, cả sổ sách thương mại kỹ nghệ, nên dùng toàn một thứ chữ quốc ngữ.

Ở Hà nội cần phải có một viên quản lý vạn khế và để làm các văn khế hợp đồng bằng chữ ta.

Việc học — Ta phải dùng tiếng ta trong việc học — Đã bàn đến trong bài «Việc học độc lập».

Sử ký — Các dân tộc độc lập lấy quốc sử làm môn học chính, mà vạn quốc sử chỉ là môn học phụ. Đằng này, nước ta từ trước đến giờ hễ học sử Tàu, đến học sử Pháp, thành ra cái số học giả thông thạo Bắc sử, Tây sử, hơn Nam sử, lại là phần đông!

Vậy ta cần phải có nhiều sách viết về Nam sử, từ sơ đẳng cho đến cao đẳng, để đủ cho học trò các lớp dùng.

Lại còn cần phải có nhiều loại sách phổ thông về các vĩ nhân, thắng cảnh, thần tích, của ta, để cho trẻ em đọc.

Đó là hãy xin nói qua một vài điều tưởng thấy. Kể ra thì những vết tích nô lệ còn nhiều, sự nhận xét của một người sợ không đủ thấu. Mong các bậc quảng kiến đa văn bổ túc cho.

NGUYỄN PHƯƠNG

NGUYỄN TRI PHƯƠNG
(1800 - 1873)

Số 2

TIỀN ĐÀM

Ông Nguyễn tri Phương dâng, sớ xin: « Hạn trong ba năm các phủ huyện nào giỏi việc đốc thúc mộ khẩu; dinh được 30 tên, điền được 60 mẫu thì thăng thưởng cho, phủ huyện nào chỉ được một phần năm thì không được thưởng gì cả, còn bất cập sẽ bị triều đình nghiêm trị... »

Y theo nhời đề nghị, vua cho phép thi hành. Năm Tự đức thứ chín (1856), án-sát tỉnh Định tường là Vương-sĩ-Kiệt dâng sớ tâu rằng: « Việc lập đồn điền quả là không tiện, bởi vì đem những tù phạm vào mà canh khẩn, nó thường quen thói cũ, rủ nhau đi ăn cướp của dân, lại thêm hay trốn tránh nữa. »

Nhà vua giao sớ ấy cho bộ Hộ xét. Bộ thần tâu rằng: « Xét việc đồn điền lập ra nay đã thành tựu: lập thành làng xóm, khẩn nhiều đất đai, dân sự đã an cư lạc nghiệp. Nay án-sát vương sĩ Kiệt chỉ trích một hai điều nhỏ mọn, nói làm bất tiện, thì bất quá là mua lấy tiếng ngay thẳng với vua đó thôi, bộ chúng tôi tưởng việc ấy không cần phải xét »

Năm Tự đức thứ 10 (1857), nhân việc bậc tấu trên, ông xin về chiêm cận để trình bày cặc việc. Vua ưng cho.

Khi vào chầu, đức Tự-Đức phán hỏi: « Trong lục tỉnh, địa thế rộng lắm, sao khanh nhất nhất khám tường được hết? » Ông tâu

— « Thần thường thường đi khám xét chỗ này chỗ khác, lại phải các phủ huyện xét bẩm tình hình, nên biết rằng nay số dinh đã tăng, số điền cũng mở mang nhiều hơn các năm trước. » Nhân lại kê trình một bản tâu:

1 Ruộng mới khẩn trên ba ngàn mẫu, lúa mới thu vào 8.000 lượng, hiện đương trữ tại tỉnh thành,

2 Xin đem lúa gạo ấy phân trữ vào mỗi tỉnh một ít để ngộ thời cho quân dùng khỏi lấy vào của kho nhà nước.

Vua ban khen và cho ông được tùy nghi thi hành.

Gặp khi binh thuyền Pháp vào cửa Đà-nẵng, bắn vào pháo đài, phá được đồn An-hải, Quan Tổng-thống là Đinh - Lý bị thương, sớ về vua sai ông làm Tổng - thống đại thần Quảng nam thay Đinh-Lý. Ông vào thì vừa gặp 3 binh thuyền Pháp tiến vào Nại - hiên gian (?), mới đốc thúc quân bắn trúng được 1 chiếc, còn 2 chiếc tháo lui.

Vua Tự Đức thưởng cho ông một thanh thượng phương-kiếm, được quyền tiền trảm hậu tấu, và bắt ông phải trù hoạch cáo chước để phòng bị. Ông tâu:

« Súng Pháp và tàu Pháp giỏi lắm, còn quân ta thì giỏi việc ngăn giữ thôi, xin cho đắp thêm đồn lũy từ Hà-châu đến Phúc-ninh, ngoài đào hầm chữ phẩm ( ), dưới thì thả chông gai, trên đặt mành mành với cỏ rác rồi chia binh mà ngăn giữ tại đồn Điện-hải. »

Quân Pháp tiến đánh, chia làm ba đạo! Ông suất quân vây đánh, lừa được quân Pháp xa hầm chết rất nhiều. Nhưng lần nữa quân Pháp tiến đánh, quân ta bị thua ở đồn Liên từ. Ông Nguyễn tri Phương dâng sớ thỉnh tội, phải giáng xuống 2 cấp lưu.

Năm Tự - Đức thứ 11 (1858), nhân mùa lạnh, vua nhớ đến ông, lập tức cởi áo trong mình đang mặc bằng thiên thanh long tuyến nhung, sai thị vệ mang vào ban cho ông với một bài thơ.

Năm Tự-Đức thứ 13 (1860), ông dâng sớ tâu rằng: « Binh Pháp thuyền súng đã tinh giao phong thì liều chết, binh ta không phải là tay đối thủ với nó, giữ cũng chưa xong thì đánh sao nổi! Nay xin dem binh lại các đồn mà canh giữ phòng bị cổ thủ làm kế lâu dài. Lại xin cho chở lúa gạo, binh lương, súng ống đến các đồn ấy để làm binh nhu, khi nào xảy việc thì đã sẵn sàng cả. »

Vua quở rằng: « Đã làm tướng đánh giặc mà sợ giặc, để cái lo cho vua, rồi lại không làm gì hết thì có đâu mà thành công được? » Lại dụ ông rằng: chiến hòa, thủ, ba việc ấy nên lựa việc nào cho cứ thế mà làm; chớ dùng nói Trần định không người mà giữ vậy chịu chết »

Ông làm thêm đồn lũy và thêm quân giữ đồn để ngăn ngừa tuế giặc.

Quân Pháp đánh Trà-sơn, An-biện ông Lê-Đình đánh một trận ở đó, tàu Pháp thua chạy.

Vua Tự-Đức mừng lắm, cho phép ban sớ về kinh, với lên đi ôn, cho người dưới long ý, rồi ban cho nào vàng nào ngọc để ủy đáp công lao.

Nhân vua tới về việc quân thứ Gia-định, ông tâu: Người « Pháp giỏi, lại thêm sau tiền sung hay, mình thủ thì hơn, chớ đánh thì bất lợi, nhưng đạo làm tôi như hạ thần, nếu ra hòa với người ta, thật lấy làm nhục lắm, còn đánh mà không lơn được thì vẫn là tội của ngu thần, xin theo ý chỉ vua sở định, ngu thần cũng xin cúi mình hết sức cho đến chết thì thôi, chứ có dám liều thân gắt. » Vua phán:

« Trẫm nghe mà lời khanh ấy đủ cho trẫm thấy rõ cái lòng trung thành của khanh, ai nghe thấy cũng phải chảy nước mắt. »

Quân Pháp tiến đánh hai tỉnh, An-giang, Hà-tiên, sớ hai tỉnh cáo cấp. Vua Tự-Đức phán bảo ông rằng:

« Nay làm tướng xây ở Nam-kỳ không ai bằng khanh cả, định thần đều tiến cử thôi thì khanh không nên thoái thác, hãy gắng mà đi, còn ở Quảng-nam nếu có điều gì kịp cấp, trẫm sẽ cử một đại viên vào thay, nhưng khanh cũ biết ông nào đương nổi được trách nhiệm thì khanh hãy cử lên cho trẫm. »

Ông tâu: « Nay binh Pháp lại hiệp với binh Cao-man, binh Tầu đến đánh thì việc bây giờ vì với ngày trước lại khó khăn gấp năm ba phần. Còn sức dân đã mỏi của dân cũng kém, nhưng phận làm tôi, hạ thần không dám từ nan dù đi Nam hay đi Bắc cũng xin tuân lệnh, Quảng-nam sau này nếu có giặc giã thì có 2 ông Phan thanh-Giản, Nguyễn bá Nghi, từng ở chỗ chính-phủ, thuộc được việc quân cơ, cũng có thể đảm đương được trách nhiệm. »

Vua đều nghe theo.

Trước khi ra đi, ông còn mật tâu với vua 6 điều:

1) Hiện nay nước nhiều việc, xin chú ý việc binh và việc tài chính, còn các việc không hệ trọng xin bớt đi.

2) Xin ra lệnh sai binh phu chở súng lớn vào Gia-định để có lúc cần dùng.

3) Xin sai ông Phạm thế-Hiển đi theo quân thứ để sai phái.

4) Xin sai người ra dụ người Bắc ấy cho khỏi náo động.

5) Xin gửi thư qua Tiêm-la để nước ấy khỏi theo binh Pháp mà đánh ta.

6) Xin phái người qua Cao-man mà giảng giải để kết liên với Pháp

Vua đều y theo, ban cho ông thượng-phương kiếm được tùy nghi hành sự.

Năm Tự-Đức 14 (1861), Gia định thất thủ. Trận đánh đồn Chí hòa tán Lý là Nguyễn Duy (em ông Nguyễn tri Phương) (1) và tán tướng là Tôn thất Trí đều bị đạn mà mất, ông Nguyễn tri Phương cũng bị thương. Sớ về kinh, vua Tự-Đức sai một người ngoại khen ngợi để cho đi đến Định thần tâu rằng:

« Nay Gia-định thất thủ, xin bệ hạ giáng Nguyễn tri Phương xuống tham tri, bãi chức quản vụ đại thần, cho ở ngoài mà uổng thuốc »

Vì thế, ông xin cho một thăng để về kinh điều trị

Quân thứ đinh Định-tường và Biên hòa là Nguyễn bá Nghi cùng với tổng-đốc, là Đỗ-Quang, cùng sớ về tâu rằng:

« Lúc này việc quân khó khăn lắm, sợ phòng bị không nổi. »

Vua Tự-Đức xem sớ phán rằng:

« Đánh giặc là việc trọng, trừ Nguyễn-tri-Phương là trọng thần, không có ai đương nổi việc ấy. »

Tháng 11, tỉnh Biên-hòa thất thủ, đình thần lại tâu xin cho Nguyễn tri-Phương phục chức, hiệp đồng với Nguyễn bá Nghi để đánh giặc.

Vua sai tuyên triệu ông, cho khải phục hàm thượng thư, sung khâm sai Tổng thống quân vụ đại thần, ban cấp quân phủ, kiếm ấn, quần áo và 1 trăm lượng bạc. Ông từ bạc. Vua dụ rằng

« Trẫm biết khanh có hèm tiết, nhưng đó là để cho khanh

(1) Coi, Tri-Tân số 8 ngày 1er Juillet 1942.

làm lộ phí, chứ to tát gì số tiền ấy mà khanh phải từ chối.» Ông bất đắc dĩ phải nhận.

Ông vào đến Quảng-nam, cùng quan tỉnh là Đào Trí và Nguyễn Hiệu trù nghĩ việc làm thêm đồn lũy ở Đà-nẵng. Xong việc, ông vào Bình-Thuận thì vừa gặp ông Nguyễn bá Nghi chạy giặc về đấy. Ông ta nói rằng : « Sống lây bẩn giữ quá ! Không thế gì giữ thành nổi ! Tôi phải làm sớ về kinh thỉnh tội thôi. »

Vua lại dụ ông Nguyễn tri Phương phải đi gấp vào ngay tùy thế mà làm. Khi ông vào đến Bình thuận, thì mấy tỉnh trong Nam-kỳ thất thủ cả.

Năm Tự - đức thứ 15 (1862), Triều - đình sai hai ông Phan thanh -Giản Lâm duy-Hiệp vào Nam kỳ nghị hòa.

Ông Nguyễn-tri-Phương về triều phục mệnh Vua dụ rằng :

— « Hôm trước có chỉ triệu khanh về, khanh xin hưu trí, nhưng cương lúc nước nhà nhiều việc, nhất là ở Bắc kỳ khanh nên tận tâm báo quốc, trẫm chưa cho về hưu. » Ông tâu rằng :

— « Đạo làm tôi phải hết lòng vì vua vì nước, nhưng Bắc-kỳ hướng lai lão thần chưa ra đó, không rõ tình hình địa thế, bệ hạ nghĩ thế nào thần cũng xin vâng theo. » Vua phán :

— « Thôi khanh ở lại Triều một tuần nhật coi phiến sớ chạy về thì biết tình trạng, rồi có chước gì hay, nên bàn với các ông Đoàn Thọ và Trần tiễn Thành. »

Lúc ấy ở Tuyên quang (Bắc kỳ) có thổ phỉ là Nông - hùng - Thạc cùng bọn giặc Tàu hiệu Cờ-vàng là Hoàng-sung Anh nổi lên vây thành Tuyên -quang. Quan tỉnh làm sớ cáo cấp ; vua bàn cùng đình thần cử người ra dẹp giặc.

Có một viên đại thần là Trần tiễn-Thành-tiến cử ông Nguyễn-tri Phương.

Vua Tự Đức phế cho ông làm khâm sai sung Bắc kỳ tổng thống quân vụ đại thần. Ông lĩnh mệnh ra đi.

Rồi đóng đồn ở sông Chiêm-đức, một thư cho quan tỉnh Hà nội tỉnh Sơn tây sắm nhiều thuyền tiếp ứng, một mặt sử thư cho quan Bắc-ninh kẹn hễ nghe pháo hiệu thì phải đem binh tiếp ứng. Ông cùng tán-lý Huỳnh Tranh, tán tướng Phan-đình-Tuyển ngầm đem binh qua sông, xuất kỳ bất ý, đánh vào đồn giặc, đi thẳng đến tỉnh thành. Lại cùng tán-lý Nguyễn-văn-Trọng kéo binh lên Thái-nguyên, bắt được giặc tên là Lê-văn-Thông và Tham mưu Đoàn-văn Đắc, rồi kéo binh về họp ở Bắc-ninh. Thế là ba tỉnh đều yên.

Năm Tự đức 16 (1863), thăng thụ Hiệp-biện đại học sĩ sung Bắc-kỳ Tổng thống quân vụ đại thần.

Năm ấy, giặc Tàu-ô chiếm cứ miền hải đảo và vào cướp phá tỉnh Hải dương, Hưng yên. Ông đem binh đi dẹp, phá giặc ở Cổ-tra, Phần dường. Giặc tan.

Vua Tự Đức được tin, rất mừng, xuống dụ rằng :

« Khanh là bậc công thần nguyên lão, trải thờ 3 triều đánh hơn 100 trận, trước dẹp phương Nam, nay yên đất Bắc một lòng ưu quân ái quốc, chẳng quản khó nhọc. Nay trẫm đem em gái trẫm là Đồng-Xuân công chúa mà hạ giá cho con thứ của khanh là Nguyễn tri Lâm (2) phong phò mã đô úy để đáp ơn lớn của khanh. Trẫm sẽ sai Khâm thiên giám chọn ngày tốt, rồi sắm tôn-nhân phủ hội đồng với hiệp-biện đại học sĩ Trần-tiễn-Thành chủ trương việc ấy. Khanh vì quân vụ phân-phiền, miễn cho hộ triều, để lo việc quân cơ và vỗ yên dân sĩ. »

Năm Tự đức 17 (1864), nhân đánh giặc Nã-sơn ở Hải dương, Phó đề đốc Vũ-Tảo bị giặc bắt. Ông dâng sớ thỉnh tội, phải giáng hai cấp.

Năm Tự - đức thứ 18 (1865), đình thần tâu xin ưu việc cam nha - phiến để đánh thuế cho lợi. Vua dụ hỏi ông. Ông tâu :

— « Nha-phiến rất hại người lưu tộc cho nước, không nên đánh thuế làm gì. »

Việc ấy mới thôi. Cùng năm ấy, giặc Tàu-ô lại vào cướp phá làng Phù-long, làng Cá ba ở ven bể. Ông cùng tán lý Nguyễn-văn-Trọng đem chiến thuyền tiến đánh, bắn chìm 20 chiếc thuyền giặc bắt được 10 chiếc ; các thuyền khác bỏ chạy.

Vì có công, được thăng thụ thái bảo vũ hiển điện đại học sĩ Tri-dũng tướng, Trung-liệt bá, sung Bắc-kỳ, tổng - thống quân vụ đại thần.

Năm ấy, ông đã 65 tuổi, vì vết thương cũ đau, nên dâng sớ, xin giải về triều.

(2) Lai Tri-Tân số 21 ngày 1 tháng một 1941.

Nhân ở Kinh-thành, có bọn Đoàn Trưng, Đoàn Trực làm loạn, vua sai thượng thư bộ Công Nguyễn văn-Phương và đề đốc Nguyễn-Hiêu ra mời ông về và cho đón tại cửa An-hòa. Đến lúc vào chầu, vua cho ngồi, ban hỏi về tình hình và phong tục ở biên cảnh, sai may quần áo tặng ông. Nhân có việc loạn trên, ông thiếp bẩm đại học sĩ Võ-trọng Bình dâng sớ, có đoạn : « Hoàng thượng xây Khiêm cung là việc bất đặc dĩ, chớ không gấp gì, thế mà có viên đồng - lý Lê - Xa, bố lý Nguyễn-Cát bắt dân phu làm ngày làm đêm khó nhọc khiến đứa cuồng phu Đoàn Trung nhất thời xướng loạn. Xin cách chức các viên đó giao sang bộ Hình xét tội. Đến bây giờ mưa gió kịp thời, xin hoãn công dịch vài tháng cho dân phu về làm ăn. Còn các bầy tôi ở Triều không hay xem xét công việc để xảy ra như thế, ũng nên nghị tội. Bọn tôi ở ngoài về, nhưng làm đầu trong nước xin chịu tội luôn thể. » Vua nghe theo, phán rằng :

« Bề khanh đều ở ngoài không can gì đến việc ấy thời sao mà phải nghị tội. »

Năm Tự đức thứ 21 (1868), Cao bằng, Lạng-sơn có giặc Ngô Côn. Vua hỏi ý ông về việc dẹp giặc. Ông xin đi ; vua lấy chỗ Kinh - sư làm trọng địa, không muốn cho đi.

Binh Triều đình tiến đánh Ngô-Côn, bị thua ở Từ-sơn : tham-tán Nguyễn Lễ, đề - đốc Nguyễn - viết Thành tử trận, tổng đốc Phạm-chí Hương bị giặc bắt. Ông Nguyễn-tri Phương xin ra Bắc-kỳ để đánh giặc. Năm Tự đức thứ 22 (1869), đình - thần cử ông Nguyễn - tri Phương sung Bắc kỳ Kinh lược đại sứ để lo việc đánh dẹp. Vua Tự-đức không ưng phán rằng :

« Làm việc lớn phải trông vào bậc nguyên lão đại thần, nếu ngỡ ngày sau không có Nguyễn khanh thì lấy ai mà ngăn chống bờ cõi ? »

Năm Tự đức 23 (1870), các tỉnh Thái-nguyên, Lạng sơn, Cao-bằng lại bị giặc Cờ-đen Lưu vĩnh Phúc thường sang cướp phá ; quan quân đi đánh, bị thua luôn ; sớ tâu về, vua lo lắm, vời ông vào dụ cho sung Tam Tuyên quân thứ khâm mạng đại thần, cho được phép tùy nghi dẹp giặc, lại ban cho kỳ bài, kiếm, ấn, cờ mao tiết, áo nhung phục.

Ra đến nơi, ông đánh mấy trận đều thắng lợi, dùng kế tuyệt lương, Lưu vĩnh-Phúc, Bạch-quế-Đường đều phục tòng và xin giúp đỡ quân ta gặp khi hữu sự.

Nhân thấy Lưu vĩnh Phúc có tài, ông mời làm sở dâng vua thu dụng. Vua Tự - đức ban cho Lưu hàm đề-đốc. Năm Tự đức thứ 25 (1872), vì có công ông được ban một cặp áo kép và được khai phục Thái tử Thái bảo, Võ hiển điện đại học sĩ, Tri dũng tướng Trấng liệt bá, sung Tam Tuyên quân thứ, khâm mạng đại thần.

Năm Tự đức thứ 26 (1873), có người Pháp là Đô phổ-Nghĩa (Jean Dupuis) chở binh khí và hàng hóa qua sông Hồng-hà lên Vân-nam để bán cho người Tàu ; lúc ấy việc thông thương ở sông Hồng-hà chưa định rõ nhưng Đô-phổ-Nghĩa, cậy thế thủy quân thiếu tướng Dupré ở Sài-gòn, nên không coi luật lệ nước Nam vào đâu cả.

Tháng một năm, Nhâm - tuất (1872), Đô-phổ-Nghĩa cùng một bọn người Tàu là Bành - lợi - Kỳ, Quan-tá-Đình và một viên Tư phủ là Lý-ngọc Từ đem một đoàn thuyền chở gạo, muối, binh khí, từ Hải-dương lên Hà - nội. Đô-phổ-Nghĩa nói là đem lên Vân - nam, nhưng đến sông Ha-hòa thuộc tỉnh Hưng-hóa thì để lại và thông đồng với bọn Hoàng-sùng-Anh, treo giặc Cờ vàng.

Khi đoàn thuyền ấy ghé bến Hà-nội, các quan ta bắt giam hai tên khách buôn, Đô-phổ-Nghĩa liền đem quân đi bắt quan phòng-thành Hà-nội và quan huyện Thọ - xương đem xuống thuyền.

Được tin ở Bắc - kỳ có sự lôi-thôi, Triều-đình cử ba ông Lê Tuấn, Nguyễn tăng Doãn và Nguyễn văn Tường vào Nam - kỳ nhờ thiếu tướng Dupré giản-xếp hộ.

Thiếu tướng, Dupré định đem quân ra chiếm Bắc-kỳ đã lâu, nay gặp được cơ hội tốt, liền viết thư gọi thủy quân đại úy là An-Nghiệp (Francis Garnier) về, rồi - sai ra Hànội, cho phép tự do định liệu và dặn nhiều điều bí mật khác.

An-Nghiệp đến Hà-nội ngày 5 tháng 11 năm quí dậu (1873), quan tỉnh Hà-nội là Phan-đình-Bình, không cho người Pháp lên bộ, nói với An Nghiệp rằng : « Việc chưa có Triều đình chỉ phán, nên không cho phép. » một mặt cao cấp về kinh.

(xem tiếp trang 14)

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 111

Ưng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

11. — **Nguyễn - khiêm Quang** người làng Hạ-yên-quyết huyện Từ liêm phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây Tuổi hương đỗ giải-nguyên, thi hội đỗ tam-giáp đồng tiến - sĩ xuất-thân khoa quí mùi (1523) năm thứ hai hiệu Thống-nguyên của Hoàng-đế Xuân. Làm quan đến chức thượng-chính. Là bậc nội Nguyễn-viết-Trang đỗ hội nguyên nhị - giáp tiến - sĩ khoa 1595. Là Cao-tổ Nguyễn-vinh-Thiệu đỗ tam-giáp tiến sĩ khoa 1659 (*Đăng Khoa bị khảo* q. Sơn-tây tờ 16b) *Đăng khoa lục* q. 2, tờ 19a)

12. — **Đỗ - tam - Cương**, người xã Quang-bị huyện Gia lộc (Gia phúc), phủ Hạ hồng, trấn Hải dương. Đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1523. Làm quan đến tự - khanh. Là em Đỗ Dương đỗ tam giáp tiến sĩ khoa 15 8 : anh em cùng làm quan một triều (*Đăng - khoa bị khảo*. q. Hải dương, tờ 35b).

13. — **Vương - Dương**, người xã Phượng-lâu, huyện Kim-động phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam, nay Kim-động và Khoái-châu đều thuộc Hưng-yên). Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1523. Làm quan đến Giám - sát ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 66b)

14. — **Bùi - khắc - Thâm** người xã Lai xá, huyện Lang tài phủ Thuận-an, trấn Kinh bắc. Năm ba mươi mốt tuổi, đỗ đồng tiến sĩ khoa 1523 Làm quan đến tự khanh. Là tổ của Bùi lượng Thái đỗ đồng tiến sĩ khoa 1583 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh bắc, tờ 195b).

15 — **Phùng - hữu - Hưu**, người xã Vân-kiều, huyện Sơn minh, phủ Ứng thiên, trấn Sơn nam, Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1523. Theo Mạc, làm quan đến thừa chính sứ, trước Lý trai bá (*Đăng-khoa bị khảo*, q. Sơn nam, tờ 58a),

16 — **Phạm - doãn - Giản**, người xã Phan xá, huyện Tứ kỳ, phủ Hạ hồng, trấn Hà dương. Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến thừa chính sứ (*Đăng-khoa lục*, q. 2, tờ 19b ; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương, tờ 45a).

17. — **Nguyễn - Hy**, người xã Phạm xá, huyện Thanh lâm, phủ Nam sách, trấn Hải dương. Đỗ tam giáp tiến sĩ khoa 1523 Làm quan đến thừa chính sứ (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương, tờ 63b).

18. — **Vương - hy - Tăng**, người xã Biên khê, huyện Đông yên, phủ Khoái châu, trấn Sơn-nam. Nguyên tên là Mậu Uyên, Kỳ thi hương năm ấy, bọn quan bốn trường (bốn trấn) thấy ở bã giữa sông, Mậu Uyên đỗ đầu. Năm ấy 1523 hai mươi tám tuổi, thi hội đỗ đồng tiến sĩ Sau theo Mạc, làm quan đến hiến sát sứ (*Đăng khoa bị khảo* q. Sơn nam, tờ 52b).

18. — **Đào-Nghiễm**, người xã Thiện-phiếm huyện Tiên lữ, phủ Khoái-châu, trấn Sơn nam. Đỗ hội nguyên khoa 1523, đến khi đình thí, đỗ đồng tiến sĩ. Phụng mệnh đi Sứ, làm quan đến Binh bộ hữu-thị-lang. Là tằng tôn Đào-công-Soạn đỗ giáp dần năm 1426 dời Lê Bình-định vương. Sinh ra Đào-Phạm đỗ đồng tiến sĩ khoa 1568 (*Đăng khoa lục*, q. 2 tờ 19 b) *Đăng khoa bị khảo*, 9. Sơn nam tờ 69 a, chép ông theo Mạc làm quan đến Binh bộ tả thị lang.

20. — **Phạm quả-Đoán**, người xã Cao-duệ huyện Gia-lộc (Gia-phúc), phủ Hạ hồng trấn Hải dương. Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến chức đề hình giám sát ngự sử (*Đăng khoa lục* q 2, tờ 19 b *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương, tờ 39 a)

21 — **Vũ-Tường**, người xã Tân - minh, huyện Tân - minh (Tiên minh), phủ Nam-sách, trấn Hải dương Đỗ tam giáp tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến giám sát ngự sử được phong phúc thần (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 19 b *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương, tờ 76a).

22. — **Nguyễn-minh-Khuê**, người xã Phú hoa, huyện Tân-phong (Tiên phong), phủ Quảng Oai trấn Sơn-tây năm 33 tuổi, đỗ đồng tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến thừa chính sứ *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 19 b, *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn tây.

(Xem tiếp trang 87)

Nguyễn Tri Phương

(Tiếp theo trang 12)

Vua Tự-đức dụ lên Tam Tuyên với ông Nguyễn tri Phương về giữ thành Hà-nội.

Ông tiếp dụ, nói với tả hữu : « Việc này bởi quan tỉnh Hà-nội không biết dự-bị trước, đến nay binh thuyền Pháp đã đến tỉnh thành, dù có thần toán đi nữa cũng khó lòng giữ nổi ; nhưng đạo làm tôi tôi, phải vì nhà, vì nước, vì vua mà hết trách nhiệm dù gan óc lầy đất cũng không lấy có gì thoái thác được ». Rồi lập tức đem theo con thứ là Phò mã đô úy Nguyễn-tri-Lâm đi một ngày về Hà-nội. Sau khi phân binh giữ thành, ông cùng với quan tỉnh đợi An Nghiệp giản xếp việc Đồ phò-Nghĩa, nhưng ý không nói gì đến, còn bọn người Tầu cậy thế chủ, làm nhiều điều ngang ngạnh, nên quan Tuần-phủ Bùi thúc-Kiên sai bắt đem chém. Đồ-phò-Nghĩa lên thượng du mộ quân Tầu (phần nhiều là giặc Cờ-vàng), được 500 người, đợi bị chống nhau với quân Triều đình.

Rồi An-Nghiệp không kể đến quan tỉnh, làm tờ hiểu dụ dân. Ông Nguyễn tri-Phương lấy việc ấy làm vô-nghĩa, không cho nhân dân công nhận. Thế là 4 giờ sáng ngày 15 tháng 10 năm Quý dậu (1873) An-Nghiệp đánh thành Hà-nội.

Nguyễn tri-Phương và con giai là phò-mã Nguyễn tri Lâm xuất quân lên thành phía nam nghênh địch. Phò mã bị một phát đạn vào đầu, chết ngay lập tức. Cộng ông Nguyễn tri Phương bị thương nặng, quân sĩ khiêng vào dinh. Người Pháp đem thuốc vào buộc, ông đều rứt ra, đưa đồ ăn ông đều phun nhổ không thèm nuốt lại nói rằng : « Bây giờ nếu tôi chỉ muốn cưỡng lấy lất mà sống, sao bằng thung-dung chết về việc nghĩa » Rồi sai thảo sớ về triều (5) Đến ngày mồng một tháng một thì mất, thọ 74 tuổi (6). Sớ về đến kinh, vua lấy làm thương cảm, nghĩ một nhà ông cha con, anh, em, đều chết vì việc nước, bỏ mình ở chốn sa trường, thật đáng nên khen ; còn mấy người thấy giặc bỏ chạy cũng đáng nên răn. Khâm mạng Bắc-kỳ, tổng-thống quân vụ đại thần Nguyễn tri Phương trước sai lên Tam Tuyên đồng sức đánh dẹp, rồi rời về trấn giữ Hànội, lúc ra đi cơ-quan có khó khăn, gấp rút, lại để mất thành Hànội, vì nghĩa không chịu bỏ dở dang, nhịn đói mà chết thật khả thương. Nhưng giữ thành để mất, tội ấy giao đình thần công luận. Song ta nghĩ ông ấy trải thờ ba triều, lúc nguy hiểm cũng như lúc thái bình, cùng một lòng trung dũng, thành thực, ai ai cũng biết. Nay vì nghĩa bỏ mình, vậy sức cả bình phủ tỉnh Hà-nội phải hộ tống quan cữu của ông và của phò-mã đô úy về bản quán. Lại ban cho gấm 3 cây, hàng 3 cây, lụa 10 cây, tiền 1000 quan để chiêu điệu. »

Đến sau, xét việc thất thủ Hà-nội, đình thần nghị lấu buộc tội để mất thành, tước cách chức và trảm-giam hậu (?)

Vua xem nhời đình nghị, phán rằng : « Nguyễn tri Phương là bậc tôi trọng vọng của triều nước, trấn chỗ không sai Mất về Hà nội, không hay lo liệu ngăn ngừa, tội làm chủ súy vốn cũng nên y theo nhời đình nghị, nhưng nghĩ rằng : ông nhất sinh trung dũng, lại tiết nghĩa trọn cả nhẽ, trước sau cũng đều khó nhọc, nếu so với những kẻ lấy lất mà sống, không công trạng gì, thật là khác xa lắm, cho nên ân gia ơn cho ông khai phục hàm Tham tri ; còn được Trảng-liệt-bá là công ông hồi trước dẹp giặc ở Nam-kỳ, bây giờ ta không nỡ nào thu lại. »

Đến năm tự-đức thứ 28 (1875) phê cho liệt tự vào đền Trung thần

Trong một nhà ông tử tiết ở Hà-nội, con là Nguyễn Duy tử tiết ở Nam-kỳ, còn là Phò-mã Nguyễn tri Lâm cũng tử tiết ở Hànội theo cha, trung hiếu tiết nghĩa gồm đủ, nên sắc sai lập một ngôi nhà thờ Trung-hiếu trong làng và sai quan tư tế. Trong bài văn tế chính đức Tự-đức soạn, ở đoạn kết có câu :

« Ô hô ! vi thần năng trung ư quốc,
« Ô hô ! vi tử năng hiếu ư thân ;
duy trung dữ hiếu, nhất môn hàm tụy... »

dịch

Than ôi ! làm tôi biết trung với nước
Than ôi ! làm con biết hiếu với cha.

---

(5) Theo nhời cụ Nguyễn đình Trong lúc Cử Tốn thì ông Nguyễn tri Phương ngậm, sắm chờ triều đình phái lạc, khi tiếp chỉ bị tội và giáng Tham tri, ông bỏ sắm mà chết.

(6) Theo gia phả, nếu tính từ 1800 đến 1873 thì 73 tuổi.

Cả trung-lẫn hiếu
Dồn-chứa mội nhà....

(Bản dịch của Mon-Bằng)

Đến năm Đồng-khánh nguyên niên (1886), phụ chính đại thần Nguyễn hữu độ tâu xin khai phụ: chức hàm như cũ và xin thờ vào chính án nhà thờ Hiền-lương. Vua chuẩn-y.

Một người Pháp viết sách về việc bạo loạn Hà nội năm qui-dậu (1873), phê bình ông Nguyễn tri-Phương là người hiếm giáo lẹp hội-không biết dung nạp những tư tưởng Âu-tây, thủng tâm tưởng hành-trạng trên đã đủ giả nhời rõ rồi,

Ông thực là một bậc, trung thần liệt sĩ. Trong 50 năm giời cúc cung tận tụy về việc nước.

Những người đồng thời với ông vẫn truyền tụng một bài thơ của ông làm tiễn khâm-sai Giản đi kinh lược ba tỉnh Nam kỳ (Vĩnh long, Hà-tiên An-giang) dưới đây:

Vẹn ngàn góc biển dặm chơi vơi,
Vui lẽ phấn nhau một bước dời,
Cá lại Long-giang hoi ngả nước
Nhạn về Dã-hợp một phương trời.
Nửa hồ cỏ cựu-trăng lai láng,
Cạn chén rương trông (?) gió lồng khơi
Chày kiếp Trường an mau trở lại
Tâu người, viếng cảnh, gặp người ơi!

[illegible]

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

(Tiếp theo trang 7)

chính và Bố-trạch thuộc Quảng-bình, vua Chiêm dâng cho nước ta năm 1069) của nước Chiêm-thành là bọn Bố-linh, Bố-khà và Lan-đà Tinh đem bộ-thuộc hơn trăm người xin nội-phụ nước ta » (*Đại-Việt sử ký, toàn-thư*, q 2, tờ 29a) *Khâm-định Việt-sử*, (q. 2, tờ 46a) lại chép vào tháng chạp năm 1039.

« Tháng ba năm Canh dần (1050) nước Chiêm-thành sang cống voi trắng (*Khâm-định Việt-sử*-q. 3. tờ 14b). Lần cống này sau trận đánh Chiêm năm 1044.

« Ngày bảy tháng ba năm Kỷ-tỵ (1029) vua Lý gả Bình-dương công chúa cho chức mục Lang-châu (nay Lạng-sơn) là Thân-thiệu Thái » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 2, tờ 19a). « Tháng ba năm Bính-tý (1036) vua Lý gả Kim thành công chúa cho chức mục Châu Phong (nay phủ Vĩnh tường và Lâm-thao thuộc Sơn-tây) là Lê-tông-Thuận. Tháng tám năm ấy (1036) gả Trường-Ninh công-chúa cho chức mục châu Thương-oai (không rõ ở đâu) là Hà-thiện-Lãm » (*Đại-Việt sử-ký, toàn-thư*, q. 2.

---

những nhời vàng đá để ở tấm lòng ưu quốc, ái quốc, mà phải ra. (7)

TIỀN ĐÀM

Viết theo tài liệu ở gia-phả họ nguyễn Đăng Chí-lăng, tập truyền ba vua nguyễn ở đều. Truy hiệu, có so sánh với *Đại Nam chính biên liệt truyện* người. Những tài liệu của các bậc phụ lão ở Thừa-thiên. Tuy vậy, chúng tôi còn mong các bạn đọc tính chính ra sao [illegible] gì bổ cho, vạn tạ.

tờ 24b). *Khâm-định Việt-sử* (q. 2, tờ 32b 33a) có bài bàn về việc ấy như sau này:

« Lúc bấy giờ không đặt chức tiết-trấn, nên quân và dân ở các châu đều tòng lĩnh ở chức Châu mục; các chân Thượng-du lại cho chức Phiên-Tù quản lĩnh, vua Lý lo là khó trị, cho nên kết tình nhân biên dễ dàng buộc... từ bấy giờ thành ra cố-sự » (ức như giai-sự).

« Tháng bảy năm Qui-dậu (1033) chức mục châu Vĩnh-an (nay là châu Tiên-an và Vạn-ninh thuộc Quảng-yên) là Sa-dụng-Hòa nói rằng: Châu ấy có châu-ngọc (vũng nước có ngọc châu) Vua Lý sai sứ đi tìm quả nhiên được » (*Khâm định Việt-sử*, q 2. tờ 37a-b).

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TO

BÁO MỚI

— *QUỐC-GIA tuần báo ra ngày chủ nhật — Giám-đốc Lê-ngọc-Thiều — Tòa báo 67 phố Neyret Hanoi.*

— *TỰ-TRI cơ quan truyền bá tư tưởng của Tổng-hội-sinh-viên Việt-nam — mỗi số 0 $ 60 tuần báo ra ngày thứ sáu.*

TIỂU THUYẾT THỨ BẢY loại mới số 1 ra ngày 5-5-1945 — giá 0 $ 80 — chủ nhiệm ô. Vũ-Đình-Long — chủ bút Phùng-bảo Thạch — bán quán ở Thụy-Khê Đại-lý Hanoi — Tiểu tài mới, mỗi số 6 trang lớn.

— *NGÀY NAY số 1 ra 5-5-1945 mỗi số 1 $ 80 — Báo quán ở 80 Quan-Thánh Hanoi — Giám-đốc: Nguyễn-tường-Bách. Bìa in 2 mầu — Tuần báo chính trị, xã hội và văn-chương.*

TRUNG-BẮC CHỦ NHẬT, bắt đầu ngày 6-5-1945 — giá 1 $ 50. Bìa in trong [illegible]

Xin giới thiệu các bạn đồng nghiệp mới với các bạn đọc [illegible]

Dân Bách Việt

NGUYỄN XUÂN XUÂN

LỊCH - SỬ

Cái đêm sâu tối tăm che kín lịch sử ban đầu của những dân-tộc đời xưa ở phía nam nước Tau nay dần dần đã rạng rỡ. Vài tia ánh sáng bình minh, đã chiếu lên khoảng thời-gian đó. Ta thấy dân Tàu từ trung bộ châu Á lại, bỏ cái gậy chăn nuôi để cầm lấy cái cày, sới đất, định cư ở giữa khoảng sông Vị, sông Hoài, dồn những dân ở đấy trước thì quét về Nam. Những chủ cũ đất ấy vì kém không văn minh bằng họ, nên họ khinh bỉ, gọi là man, di.

Những giống «man di» ấy sinh trưởng ở khắp vùng đồi núi góc đông nam Á châu và đã ở man con sông Hoài là nơi phát tích, bắn mác tràn về Nam, tìm những nơi phì nhiêu để lập ngh ệp. Có hai ngành chính giong ruổi thi nhau tiến: Rợ Tây - nam Man tức là dân Thái — thẳng đường qua Vân-nam, Điền-điện, định cư ở Ai Lao và Xiêm-la; dân Việt lần theo bờ bể trong, chiếm các tuyến từ Bắc-kỳ lan đến lưu vực sông Cửu-long, khắp đất Nam kỳ và một phần Cao-miên ngày nay. Dân Việt đó tức là chúng ta.

Dân Việt vì cùng chung một giống với [illegible] man xưa ở đất Sở cho nên chúng ta nghe thấy tục truyền lại ra [illegible] tích của dân ta ở tận hồ Đồng đình, con cháu loài Tiên ở núi Hoài Hồng ở bể (1). Rợ Kinh - man đồng hóa với dân Tàu, ngành dân Việt ở phía đông gần đấy cũng bị làn sóng xâm lược lay động đến. Cái khoảng đất dân Việt ở trước rải rác rất rộng, men ha bên bờ và hạ lưu sông Triệt, tự ấp theo chuỗi đồng bằng nhỏ dọc bờ bể Đông. Khoảng đất ấy nay gồm địa phận Nam Trung - giang, Phúc - kiến, Lưỡng Quảng, Trung châu Bắc-kỳ và Bắc Trung-kỳ. Họ lan ra như một làn nước cứ tìm những chỗ chũng thấp bằng phẳng mà tiến, những nơi có thể gồng giọt chài lưới được. Cái thổ trung lũng đồng bằng ấy thường có những giải núi chắn ngang làm cách đoạn, lối giao thông đã ít lại hiểu trở; bọn người tuy cùng một giống song sống giữa những ô ngăn cách ấy không được năng giao thiệp với nhau, quyền-lợi cũng khác nhau, không gây liên lạc và thường coi nhau như cừu địch. Vì thế mà Sở, Việt, Ngô, cùng tranh chiến xâm đoạt lẫn nhau; vì thế mà có những nước Việt Đông-âu, Mân Việt, Nam Việt, Tây âu. Mỗi giẫy núi ngang là bức tường ngăn mỗi nước, cho đến cái giải Hoành-sơn dưới đây cũng đã một phen chặt đôi nước Việt - Nam ta ra trong một thế-kỷ rưỡi.

* * *

ĐỊA THẾ

Nước Sở ở vào khoảng đất Lưỡng Hồ, ngày nay tiếp giáp ngay với Trung nguyên, nên có tên ở trong lịch-sử trước nhất. Dân nước Sở mau hấp thụ được văn minh của người Tàu, biết cải cách các chế-độ trong nước, theo được kịp những nước hùng cường thời bấy giờ. Nhờ được đất rộng người nhiều, nước Sở về đời vua Trang vương, đã có phen xưng bá với các nước Xuân-thu. Chẳng những hoành hành ở Trung nguyên dân Sở lại còn đi chiếm cứ những giải đất dọc theo sông Dương - tử ra đến bờ bể (2). Cố đất ấy sau đó ba trăm năm, thấy xuất hiện ra một nước cũng giàu mạnh, cũng quật cường, cũng xuất binh tranh giành ngôi bá chủ. Nước ấy là nước Việt.

Trước đây Việt, Ngô và Sở — dân cùng giống — tuy ở cạnh nhau song vẫn không có điều gì xích-mích. Nhưng một ngày kia, vua Ngô là Hạp Lư dùng một người Sở là Ngũ Viên làm tướng. Ngũ Viên có một mối thù to với Sở: vua Sở đã giết cha và anh Ngũ Viên. Viên giúp Hạp Lư sửa sang lại nước khiến dân được giàu, quân được mạnh, rồi xui vua Ngô tom binh khoe trương thanh thế, đánh các nước nào chung quanh — trong số

đã có cả nước Việt — bắt phải theo về mình. Nước Ngô đã cường-thịnh, Ngũ Viên mới xin với Hạp Lư phát binh phá Sở, cướp bóc sát hại nhân dân rất là tàn khốc. Nước Việt nhân khi Ngô chiếm Sở, định đánh úp Ngô trong lúc hư không. Ngô phải vội vã rút binh về; Ngô Việt vì đấy sinh ra thù oán. Trong một trận đánh nhau, vua Việt là Câu Tiễn bắn chết được vua Ngô Hạp Lư. Con Hạp Lư là Phù Sai tận lực đánh Việt, vây khốn Câu Tiễn. Câu Tiễn phải đầu hàng Ngô mạnh tha hồ vùng vẫy ở Trung nguyên. (3)

Làm kẻ chiếu bại nhục nhã, Câu Tiễn cùng hai người bầy tôi trung thành là Văn Chủng, Phạm Lãi ngậm ngùi vẹn rửa hận. Mười năm ròng rã, ngài kiên gan chịu nhẫn nhục lo luyện tập sĩ tốt nuôi dạy dân chúng, nước Việt được hưng thịnh hơn trước. Bấy giờ Câu Tiễn mới lại đánh trả Ngô, cướp lấy tuần cối, giết Phù Sai và thay vua Ngô làm bá chủ các chư hầu cuối thời Xuân-thu ấy.

Nước Ngô bị diệt, phương nam còn hai nước Việt và Sở cùng đương đầu. Mấy đời sau, vua Việt Võ Cương tính cũng hiếu chiến như Câu Tiễn nay đem quân gây sự với Tề, mai lại đồng minh với Tề để đánh Sở. Sở không thể chịu được những chuyện khiêu-khích ấy mãi. Năm Tân mùi (1271 tl 333), Uy vương hưng binh xâm đất Võ Cương đại bại, bị giết. Những đất nước Ngô xưa đều sông biển đều bị quân Sở chiếm cả. Nước Việt bị diệt, dân Việt phải lưu tán trước bước tiến của dân Sở (4). Con cháu Võ Cương phải bỏ miền Côn Minh phương phú, lui mãi về miền Phúc-kiến, tự xưng làm vua, người xưng làm chúa, cai quản mấy tộp dân Đông Âu và Mân Việt ở giữa nơi rừng núi; họ cầu thần phục về Sở (5). Nước Việt bá chủ Trung-quốc trước nay chỉ còn tàn-mát phảng phất ở miền bờ bể đất Giang nam hoang dại mà thôi. Thế là đáng trước cái sức đè ép của dân Tần, anh em giống Việt ở quả về Bắc phần thì đồng hóa với họ như nước Sở nước Ngô trên, phần thì bôn-tẩu về Nam, chung đụng với người cùng giống đã lập nghiệp ở đấy trước lâu rồi. Nhưng rồi người Tầu cũng dủ thì gỡ theo kịp đến quanh miền Ngũ-lĩnh Nam Việt) làm-lo chực đồng hóa hết cho kỳ được.

Sống đến đấy thì họ đành khoanh tay chịu, dù đã chịu khó mấy nghìn năm xếp đặt cải cách; họ gặp phải chi dân Việt cuối cùng, dân Tây-âu, một tộp dân có sẵn cái năng lực kiên cường, cố-dễ đã ăn sâu vào mảnh đất bùn lầy ở trung-châu Bắc kỳ nay rồi. Ngay hồi đầu cuộc xung-đột, người Đông âu Mân Việt và Nam Việt đã thua quân Tầu ngay; riêng chỉ có dân Tây-âu là cố sức chống cự đến cùng. Về sau, tộp dân ấy tuy bị nội thuộc trong mười thế-kỷ nhưng vẫn còn đủ sức rút đức rồ sợ giây của dân Tầu trói-buộc để được tự do vùng vẫy ở bán-đảo Đông-dương này cho đến tận ngày nay. Đám dân Việt ấy là tổ tiên ta.

(Còn nữa)

Nguyễn Xuân-Uẩn

(1) *Aurousseau — Origine du peuple annamite*, BEFEO 1923. Xem sự tích Mười tám đời Lạc vương, chương 9.

(2) Sử ký Tư mã Thiên.....

(3) Ibidem

Những ông Nghè...

(Tiếp theo trang 13)

23. — Nguyễn-hữu-Phỉ, người xã Hồng-lục, huyện Gia-lộc, phủ Hạ-hồng, trấn Hải dương. Đỗ tam giáp đồng tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến chức đề hình giám sát ngự sử (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 20 a; *Đăng khoa bị khảo* q. Hải dương tờ 39 a).

24. — Đào Triết, người xã Thụ-triều, huyện Thanh lan, phủ Tiên hưng, trấn Sơn nam. Đỗ tam giáp tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến chức giám sát ngự sử (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 20 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn nam, tờ 95 a)

25. — Phạm-đoãn-Trấp, người xã Đồng-lâm, huyện Trường tân (tức Kim phúc), sau đổi Gia lộc, phủ Hạ hồng, trấn Hải-thương. Đỗ tam giáp tiến sĩ khoa 1523. Làm quan đến giám sát ngự sử (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 20 a; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải dương, tờ 39 a)

(Còn nữa)

Ứng hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Cuộc thi Văn-chương: Bình Dân Niên Thư-Viện

Hạn nộp [illegible] dự thi cuộc thi Văn chương B.D.T.N.T.V đáng lẽ đến ngày 30-4-45 là hết, song vì có nhiều bạn ở xa yêu cầu gia thêm hạn để các bạn có đủ thời giờ viết nên lại hoãn lại 3 tháng nữa, nghĩa là đến 31-7-45.

B.D.T.N.T.V. kính cáo

TIỂU-THUYẾT LỊCH-SỬ

An Tư

« Khiến nhân lòng, An-Tư công-chúa
ra Thoát-Hoan, đục thư quốc nạn đó. »
(Đại Việt sử-ký tục biên)

Kính tặng hương hồn nhân thân

NGUYỄN HUY-TƯỞNG

Số 30

Việc khôi phục Thăng-long phải giao cho một người khác, lại cần phải người có tài cầm quân bơn Chiêu văn vương mới được. Việc này phải gọi Chiêu minh vương về. Phi Chiêu minh vương không ai làm nổi.

Vừa nói rút lời thì quân báo Thượng tướng Chiêu-minh vương Trần quang Khải ở Nghệ an về, sắp tới bành cung. Vua Triệu-hoàng cùng Thượng hoàng và Hưng Đạo vương dẫn các quan và tướng sĩ ra đón. Quang Khải ở xa tế ngựa chạy lại, nhảy xuống phủ phục trước ngựa Thượng hoàng và vua, miệng bô vạn tuế.

Thượng hoàng và mọi người cùng xuống ngựa. Thượng hoàng cầm tay em và nói:

— Một dải Nghệ an, nhờ hoàng thác là liệu được yên, ngũ hoàng thúc thực là gan lão vất vả.

Vương nói:

— Lão thần có công cán gì đâu. Ấy là nhờ tướng sĩ cả.

Nói xong gọi Phạm Ngũ Lão lại. Ngũ Lão cúi lạy bên xế đường. Vua truyền cho đứng dậy. Vương chỉ Ngũ Lão và tâu:

— Bách trang nguyên lo mưu trông trường. Phạm tướng quân đây từ chỗ đến với Tòa Đô không có hai người ấy và các tướng sĩ thì cơ hồ không giữ được Nghệ an và cũng không lui được giặc Hồ.

Vua truyền cho mọi người lên ngựa, ung dung nói chuyện, lại quay lại bảo Ngũ Lão:

— Một trận đánh Tòa Đô làm cho quân Hồ cỏ khiếp đảm người Chiêm thành, hán tán, người thực là thần tướng.

Lão ấp úng không nói nên nhời. Vua lại dòi xem mặt Bách Liệu. Quang Khải nói:

— Trạng nguyên nói mọi việc đã có Quốc công lo liệu, thằng ranh chỉ còn đợi ngày cửa ra vào [illegible] vì thế xin ở lại Nghệ chăm bón mấy gốc lim.

Vua cười:

— Đỗ đến trạng nguyên [illegible] quan, [illegible] mấy nhời, người ấy thực là cao sĩ.

Thượng hoàng lại [illegible] chuyện Chiêu văn vương đánh Tòa Đô ở Hàm tử quan cho Chiêu minh vương nghe và ngỏ ý muốn cất quân ra khôi phục Thăng-long.

Quang Khải nói:

— Nay em tư đã lập đại công, lão thần ở Nghệ an công ít tội nhiều, ngày ấy xin hoàng ra khôi phục Thăng-long để chuộc tội. Chỉ xin đem tướng sĩ ở Nghệ an vũng cũ. Lão thần đã quen đánh trận với tướng sĩ cũ và nhất là với Phạm tướng quân đây.

Vua cả mừng. Một tướng cũng bước ra tâu:

— Tiểu tướng xin theo Thượng tướng đi đánh Thoát Hoan.

Nhìn ra thì là Hoài văn hầu. Chiêu văn vương nói:

— Được cháu trung đi nữa, ta ắt thắng Thoát Hoan.

Sau khi Hưng Đạo vương cùng Chiêu minh vương bàn luận về việc khôi phục Thăng long. Ngay hôm đó, Quang Khải đã dẫn vạn quân, [illegible] đường bể ra bắc.

VI

Trong đền Vạn niên, đèn nến sáng trưng, âm ba cử ra ngoài sân rồng. Nhạc nữ mặc áo mầu, tay chiên, vũ nữ cũng mặc áo mầu, tay thương. Thị nữ bận toàn trang đi đi lại lại, tay cầm bình vàng rót rượu hầu quan khách. [illegible] ca quản nhịp nhàng, và [illegible] dải lụa của vũ nữ dưới [illegible] bay phấp phới trong nhịp tay [illegible] mỡ màng chung quanh [illegible] ân bình nến đèn. [illegible] ngâm [illegible] và [illegible] nhung bỏa đã [illegible] liên tiếp.

ngạt. Trời ơi bức vô cùng, bấy giờ đã sang đầu tháng năm thế nên mặc dầu cảnh hay hay của đêm tiệc, không khí trong tiện rất vẫn mát. Các nhạc công đồ mồ hôi, áo ướt như tắm.

Những hoa đầu tô béo cũng bay nhựa như những tượng đồng bùi trời nóm.

Những quạt lông khe phần [illegible] Thái [illegible] vốn thích yến tiệc Hoan [illegible] hay hồ chứa những cuộc [illegible] Từ khi vào thành Tuấn long, Hoan lại càng xa xỉ mấy hôm dẫn không đi đặt được toàn quân Trên Hưng Đạo, Hoan cũng có [illegible] nhưng dần dần nỗi lo cũng nhạt. Tin đức đưa về phần nhiều là nhờ quân mà thắng lợi. Địch quân tản mát đi nhiều, các quan và tướng ra hàng mỗi ngày một đông. Giữa Thượng hoàng và Hưng Đạo nghe như có sự bất hoà: Triều đình, nhất là các tôn thất, cả đến những quân sĩ vẫn trung thành với Trần Quốc Tuấn cũng đã sinh lòng ngờ kỵ. Dân gian cũng nhiều người khâm phục Quốc công mà trước ka họ [illegible] như thần thánh. Trước [illegible] ghê gớm sự chém [illegible] của người Mông cổ [illegible] dân Nam đã phải [illegible] Những kẻ [illegible] phạt [illegible] vạn [illegible]

Tư, Hoan lại càng không lo [illegible] Tư, ở [illegible] trong [illegible] linh hay sống ngựa cũng nằng đi đạo [illegible] trong vườn Thượng uyển. Hoan không bỏ một sự gì cần thức. Hoan là sự kính nể của quân sĩ là mối kính khủng của mấy triều dân bị trị. Hơn nữa Hoan còn là chủ nhân ông của một giai nhân xinh đẹp tào bậc nhất dưới gầm trời. Lòng hiếu nghĩa của Thoát Hoan được dâng lên như bước bể vòng bờ. Trong tâm tâm chúa muốn ở đất nước Nam, không về Trung quốc nữa.

Suốt hai tháng nay Hoan sống một cuộc đời vương giả chưa có mấy người được hưởng. Bao nhiêu châu báu, bao nhiêu gấm vóc, bao nhiêu kỳ hoa dị bảo, cả những chim thiêng thú dẹp, cả những vị thuốc bổ và những món ăn ngon ngọt trên đời đều được tướng sĩ hay hàng thần đem tiến cống. Chung quanh cung cảnh Linh là cả một vườn bách thảo, có những lồng chim những chuồng súc vật sơn son thếp vàng, những cả ngọi sắc lượm dưới ao Ngoạn Thiềm. Trên những đường lối hay những thảm [illegible] vườn, những hươu [illegible] bình tĩnh [illegible] hạc trắng [illegible] chim [illegible]

lông trắng như tuyết, mượt như [illegible] Lại có lầu và hành thêu cực kỳ hoa lệ. Hoan thích lắm, nhưng An Tư [illegible] đầu vào, đi thăm quân sĩ [illegible] chơi [illegible] thành, có khi ra [illegible] đến Linh quang [illegible] bỏ dân để hưa chuộc lòng dân nữa.

Nhưng Hoan không nhận rõ những sự giả dối giản sau lưng đó cũng kinh của dân dân đen và khoé mắt căm hờn, loang loáng như kiếm sắc.

Ở điện Linh quang về, Hoan thế hiệc dã tưởng sẽ mặc dầu không có việc gì đáng ăn mừng và mặc dầu trời oi ả. Ngoài nhiều cuộc vui, hôm nay có trò hát hội của Lý Nguyên Cát, được khán giả rất hoan nghênh. Hoan rất vui, quên cả nực nội. Giữa lúc mọi người hoan lạc, Chiêu quốc Vương Lý Tắc đứng lên dâng Thoát Hoan một bài thơ chúc tụng nhờ nhẽ rất trải chuốt. Hoan xem thơ, cười đắc ý, đưa cho cử tọa xem. Hoan sai nhạc công phả thành nhạc, bắt nhạc nữ, và ca nữ hát theo khúc mới. Say quá, Hoan cũng lấy tay gõ dịp vào kiếm và theo.

(Còn nữa)

NGUYỄN [illegible]

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Dương

2$00 một vé

(4)

miền Cô[illegible]

Phúc-Kiến

Việt-nam văn-học...

(Tiếp theo trang 5)

Cùng trang 71, ông Hàm viết mấy câu : « Sau khi nhà Lê trung-hưng, thì việc học cũng phỏng theo đời Tiền-Lê. Ở Quốc-tử giám thì đặt quan *tế-tửu* và quan *tư nghiệp* để làm giảng-quan, mỗi tháng một lần tiểu-tập ba tháng một lần đại tập... » Đoạn ấy cũng không rõ. Dưới chữ « trung-hưng » nên chua năm nào, vì nhà Lê có hai lần trung-hưng : Năm 1460 Lê Thánh-tông lấy lại của Nghi-dân, sử cũng gọi là trung-hưng. Năm 1527 Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, đến năm 1533 Nguyễn Kim tôn vua Trang-tông ở Ai-lao, cũng là trung-hưng. Còn chức quan ở Quốc-tử giám, thì *Lịch-triều hiến chương, quan-chức chí* (bản sao của trường Bác-cổ số A 50, q. 13, tr. 64 – 65) chép rằng : « Đời Lý (1076) đã đặt Quốc-tử giám ; nhưng tên quan-chức chưa rõ. Đến đời Trần Minh-tông (1314—1328) mới với Chu-an làm chức tư-nghiệp ở quốc-tử giám.

Đầu đời Lê (1428) lại đặt chức tế-tửu, chức trực giảng học-sĩ, chức giáo-thụ, về đời hồng đức định quan-chế tứ phẩm trật tùng tứ (theo quan-chế năm thứ tư niên hiệu Hồng-đức 1471, tại chức tế-tửu phẩm chánh-tứ, chức tư-nghiệp phẩm chánh-ngũ), lại đặt thêm chức ngũ kinh bác-sĩ, thuộc vào Quốc-tử giám. Từ trung-hưng (1533) trở về sau, bỏ chức ngũ kinh bác-sĩ, còn các chức khác đều theo cũ ».

Đến đoạn nói về triều Nguyễn, ông Hàm chép rằng : « Năm 1803, vua Gia-long dựng nhà *Quốc-học* ở kinh đô (Huế). Ngài lại đặt chức *đốc-học* ở các trấn, *giáo-thụ, huấn-đạo* ở các phủ, huyện để coi việc dạy học. Năm 1821, vua Minh-mệnh đổi tên nhà Quốc-học gọi là *quốc-tử-giám* » (trang 71). Chép như thế không đúng. *Đại-nam thực-lục chính-biên đệ nhất kỷ* (q. 22, tờ 1 a-b) nói rằng : « Tháng bảy năm quý hợi (1803), dựng nhà đốc học ở Quốc-tử giám, cho Phan-đăng-Ứng làm Chánh-đường đốc học, Nguyễn-vế-Uyên, Tương chí-Lý làm phó đường đốc học » Như thế mà ông Hàm chép là « Năm 1821, vua Minh-mệnh đổi tên nhà quốc-học gọi là Quốc-tử giám » thì có lẽ nhầm.

Năm 1821, *Đại-nam thực-lục chính-biên, đệ nhị kỷ* (q. 7, tờ 20 b) chép rằng : « Dựng Quốc-tử giám, ở giữa là giảng đường, phía trước là đi-luân đường, hai bên tả hữu là những nhà cho tôn-sinh giám-sinh ở ».

Nên thêm một đoạn như sau này : « Tháng ba năm Kỷ mão mệnh thứ hai (1821), đặt tế-tửu và tư-nghiệp ở Quốc-tử giám » tế-tửu trật chánh-tứ, tư-nghiệp trật tùng tứ (*Đại-nam thực-lục chính-biên, đệ nhị kỷ*, q. 8, tờ 9b).

Đến đoạn *kết luận* (trang 72) ông Hàm nói rằng : « Việc học ở dân-gian như này gọi là bực « tiểu-học » thì triều-đình không tổ-chức, cứ để các tư-gia đón thầy dạy lấy con cháu... » Câu ấy cũng sai, không kể từ đời Lê về trước thì nhiều lắm ; kể ngay trong đời Gia-long (1802-1819) có chép rằng : « Sai các trấn đều chọn những người văn học trọng hồng từ bốn, năm tuổi trở lên đặt làm tổng giáo để dạy những học trò sơ học » (*Trung học Việt-sử tiết yếu*, lập đông, tờ 14 a và *Đại-việt sử ký cải lương*, q. 4, tờ 2 a).

Việc học chữ nho của ta từ ngày chưa có sử nhà không nói làm gì, kể từ ngày có sử (1272) đến nay, chép đã nơi nơi, khi nào ta bảo ông Hàm nên lấy sử ra xem lại và sưu tầm thêm, cho khỏi thiếu sót. *(còn nữa)*

Ứng hồng NGUYỄN VĂN TỐ

TRI-TÂN SẼ XUẤT BẢN :

ĐÔNG-MINH

Do một yếu-nhân
Đ.K.N.T. đề tựa

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA : I
Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-[illegible] Phượng